

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 207/2021/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2021 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; gồm người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Lê Văn N - Sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Thôn Phù Quang, xã Hoằng Quang, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Cao Thị Thu H - Sinh năm: 1977.

ĐKNKTT tại: Thôn P, xã H, thành phố T.

Tạm trú: Thôn X, xã H, huyện H, tỉnh T.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 23 tháng 02 năm 2021, các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ việc dân sự, nội dung cụ thể như sau:

[1] Về hôn nhân: Anh Lê Văn N và chị Cao Thị Thu H kết hôn năm 2016, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố T. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn, thì đến tháng 10 năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm cách sống của hai người không hợp, không có tiếng nói chung nên không ai quan tâm và có trách nhiệm đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên phân tích khuyên giải nhưng không có kết quả. Nay anh, chị đều xét thấy tình cảm không còn mục đích hôn nhân không đạt

yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh N và chị H.

[2] Về con chung: Anh N và chị H chưa có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản, công nợ chung: Anh N và chị H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh, chị thỏa thuận anh N chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn N và chị Cao Thị Thu H.

- *Về con chung:* Anh N và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản, công nợ chung:* Anh N và chị H không yêu cầu giải quyết.

**2.** Về lệ phí Tòa án: Anh N chịu 300.000đ lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2019/0012769 ngày 01/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T (anh N đã nộp đủ lệ phí).

*Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7B và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật THADS.*

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Thành phố T;
- UBND phường Đ, Thành phố T.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Lan Anh**